TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
(V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 03/2025/TLST-VLĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2025/QĐST-VLĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Anh Trịnh Đăng T, sinh năm 1987; đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa). SĐT: 0974.486.865

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Công ty TNHH A; trụ sở: Lô C, đường H, khu công nghiệp K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Anh Trịnh Đăng C, sinh năm 1985; đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); tạm trú: Số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1; địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 30 tháng 5 năm 2025 và quá trình giải quyết, anh Trịnh Đăng T trình bày:

Vào tháng 8/2004, anh T có cho anh ruột là anh Trịnh Đăng C mượn chứng minh nhân dân số 172886773 của anh T để nộp xin việc tại Công ty TNHH A do anh C bị thất lạc giấy tờ. Sau đó anh C đã ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH

A và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022, với số sổ Bảo hiểm xã hội là 9104102914. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, chứng minh nhân dân số 172886773 của anh T ghi ngày tháng năm sinh là ngày 23/9/1985 nhưng thực tế là anh T sinh ngày 10/3/1987.

Tháng 4/2008 đến tháng 02/2010, anh T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội với số sổ Bảo hiểm xã hội là 7415122579.

Tháng 6/2015 đến tháng 4/2016, anh T tiếp tục ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội với số sổ Bảo hiểm xã hội là 7415122579.

Sau khi cho anh C mượn hồ sơ với chứng minh nhân dân số 172886773 để đi làm tại Công ty TNHH A, thì đến tháng 8/2016 anh T cũng đi làm tại Công ty TNHH A với số chứng minh nhân dân khác là 172918429, sau đó anh T tham gia đóng Bảo hiểm xã hội và sử dụng sổ Bảo hiểm xã hội mang số 7415122579 cho đến nay.

Vì vậy, anh T đã liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T xin cung cấp thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội thì Bảo hiểm xã hội thành phố T xác minh hồ sơ tham gia Bảo hiểm xã hội của anh T tại Công văn Số 492/BHXH-TST ngày 20/5/2025 là anh T có thời gian bị đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2008 đến tháng 10/2021.

Lý do bị trùng là do vào thời gian tháng 8/2004, anh T có cho người anh tên Trịnh Đăng C mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty TNHH A (từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022) theo số sổ Bảo hiểm xã hội là 9104102914. Từ tháng 9/2022 đến nay, anh Trịnh Đăng C tiếp tục làm việc cho Công ty TNHH A nhưng với tên thật là Trịnh Đăng C. Cho nên, Bảo hiểm xã hội thành phố T hướng dẫn anh T thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH A theo số sổ Bảo hiểm xã hội 9104102914, từ đó mới có cơ sở giải quyết các chế độ Bảo hiểm xã hội cho anh Trịnh Đăng C được.

Hợp đồng lao động được giao kết giữa tên Trịnh Đăng T với Công ty TNHH A từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022 nhưng người trực tiếp đi làm là anh Trịnh Đăng C. Do đó, hợp đồng lao động này đã vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng lao động.

Việc đóng Bảo hiểm xã hội và được cấp số sổ Bảo hiểm xã hội 9104102914 như trên là khoảng thời gian anh T cho anh C mượn hồ sơ. Lúc đó, anh T không hiểu biết về pháp luật nên đã cho người khác mượn hồ sơ đi làm, điều này trái quy định của pháp luật dẫn đến hậu quả anh T được cấp số Bảo hiểm xã hội không đúng người sử dụng nên không thể giải quyết được các thủ tục chính sách Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Do hợp đồng lao động được giao kết vào tháng 8/2004 giữa anh Trịnh Đăng C và Công ty TNHH A đã lâu, nên anh T không có các Hợp đồng lao động này để cung cấp cho Tòa án.

Nay, anh T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH A với anh Trịnh Đăng T (trong khoảng thời gian từ tháng 8/2004 đến tháng 08/2022) vô hiệu.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A trình bày:

Thời gian từ ngày 01/8/2004 đến 01/9/2022, Công ty có ký hợp đồng lao động có thời hạn, không thời hạn và phụ lục hợp đồng với anh Trịnh Đăng T, sinh năm 1985, quê quán: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa), Mã số thẻ: 2759, bộ phận: Qc(GC). Cụ thể như sau:

- Thời gian từ 01/8/2004 đến 31/7/2005, Hợp đồng có thời hạn, M lương ký hợp đồng: 556.000 đồng.

- Thời gian từ 01/8/2005 đến 31/7/2006, Hợp đồng có thời hạn, M lương ký hợp đồng: 583.800 đồng.

- Thời gian từ 01/8/2006 đến 31/7/2007, Hợp đồng có thời hạn, M lương ký hợp đồng: 858.700 đồng.

- Thời gian từ 01/8/2007 đến 31/7/2008, Hợp đồng không thời hạn, M lương ký hợp đồng: 901.600 đồng.

- Thời gian từ 01/8/2008 đến 01/9/2022, ký các Phụ lục hợp đồng, M lương ký hợp đồng lần lượt là: 1.070.300 đồng; 1.327.500 đồng; 1.686.000 đồng; 2.901.400 đồng; 3.215.000 đồng; 3.769.000 đồng; 4.364.900 đồng; 4.984.600 đồng; 5.409.700 đồng; 5.853.800 đồng; 6.280.200 đồng; 6.798.500 đồng; 7.036.400 đồng và 7.629.900 đồng.

Đến ngày 01/9/2017, anh Trịnh Đăng T nghỉ việc, lý do: Xin nghỉ, Công ty có ra Quyết định nghỉ việc.

Trong thời gian anh Trịnh Đăng T làm việc, Công ty có tham gia bảo hiểm đầy đủ và khi anh T nghỉ việc Công ty đã chốt trả sổ bảo hiểm cho anh T. Việc, anh Trịnh Đăng C mượn tên anh Trịnh Đăng T để ký hợp đồng lao động thì Công ty không biết, nên qua yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Đăng T, Công ty yêu cầu Tòa án xử lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Đăng C trình bày:

Anh Trịnh Đăng C là anh trai của anh Trịnh Đăng T. Vào năm 2004, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh C phải đi tìm việc làm, nhưng do không có hồ sơ nên anh C đã mượn giấy chứng minh nhân dân của anh T để xin và làm việc tại Công ty TNHH A. Do Công ty TNHH A không kiểm tra kỹ nên dựa theo hồ sơ đứng tên anh T để ký hợp đồng lao động với anh C và đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022. Thời điểm này anh Trịnh Đăng T đang làm việc tại Công ty TNHH D tại T, Đồng Nai.

Do không hiểu rõ pháp luật cũng như các quy định về Bảo hiểm xã hội nên khi Công ty TNHH A đăng ký Bảo hiểm xã hội thì anh C không thông báo cho B sửa

lại thông tin cho đúng mà vẫn lấy thông tin của anh Trịnh Đăng T để đăng ký bảo hiểm. Nay, trước yêu cầu của anh C về việc Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty A với anh Trịnh Đăng T (do anh C trực tiếp ký) trong khoảng thời gian từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022 là vô hiệu thì anh C không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nà là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Tân Uyên) vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên họp:

- Các đương sự gồm anh Trịnh Đăng T, đại diện Công ty TNHH A và anh Trịnh Đăng C vắng, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1 vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý việc lao động là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 369, 402 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động đã được xem xét tại phiên họp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh Trịnh Đăng T (do anh Trịnh Đăng C ký kết) với Công ty TNHH A từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trịnh Đăng T có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH A có trụ sở tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên họp của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu anh Trịnh Đăng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Đăng C, đại diện hợp pháp cho Công ty TNHH A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1 vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng tháng 8/2004 đến tháng 8/2022, anh Trịnh Đăng T được Công ty TNHH A tham gia Bảo hiểm xã hội với mã số 9104102914 và Công ty TNHH D, Công ty TNHH B, Công ty TNHH A, với mã số bảo hiểm là 7415122579. Tuy nhiên, anh T và anh Trịnh Đăng C thừa nhận người ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A và thực tế làm việc tại Công ty TNHH A và tham gia Bảo hiểm xã hội với mã số 9104102914 là anh Trịnh Đăng C, chứ không phải anh Trịnh Đăng T. Đối với anh Trịnh Đăng T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại các Công ty TNHH D, Công ty TNHH B và chính Công ty TNHH A. Lý do có thời gian anh T và anh C cùng làm việc tại Công ty TNHH A và cùng với tên Trịnh Đăng T là do anh Trịnh Đăng T được cấp 02 chứng minh nhân dân, bao gồm chứng minh nhân dân có năm sinh 1985 thì anh T cho anh C mượn, sau đó anh T điều chỉnh lại chứng minh cho đúng năm sinh là 1987 của mình. Lời trình bày của anh Trịnh Đăng T và anh Trịnh Đăng C phù hợp với hồ sơ Bảo hiểm xã hội. Tại Công văn số 492/BHXH-TST ngày 20/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T thể hiện: trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 10/2021 anh Trịnh Đăng T có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội tại các Công ty TNHH D, Công ty TNHH B và Công ty TNHH A với mã số bảo hiểm là 7415122579 và Công ty TNHH A với mã số 9104102914.

[2.2] Xét thấy, việc anh Trịnh Đăng C lấy chứng minh nhân dân của anh Trịnh Đăng T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A là hành vi gian dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, anh Trịnh Đăng T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH A với anh Trịnh Đăng T từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ Bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Trịnh Đăng T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 367, 369, 370, 371, 372 và Điều 401, Điều 402 của Bộ luật

tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của anh Trịnh Đăng T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh Trịnh Đăng T, sinh năm 1985 (do anh Trịnh Đăng C trực tiếp ký kết) với Công ty TNHH A, thời gian từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2022 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Anh Trịnh Đăng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003883 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc từ ngày Quyết định được niêm yết theo luật định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khư vực 15);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thế Vọng